

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2022/HS –ST**

Ngày: 15/11/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Toại;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Quốc Thìn và ông Võ Ngọc Cường;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Thanh Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khôi – Kiểm sát viên sơ cấp.

Trong ngày 15 tháng 11 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án hình sự thụ lý số: 02/2022/TLST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2022/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo:

TRẦN H, sinh ngày 10 tháng 8 năm 1958; Nơi cư trú: thôn T, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: nông; Trình độ học vấn: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Con ông Trần Hòa, sinh năm 1933 (chết) và bà Nguyễn Thị T(là liệt sĩ); Vợ: Trương Thị L, sinh năm 1960; Con: có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1980, đứa nhỏ nhất sinh năm 1990; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa: Bà Tiêu Thị Thu Tình là Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo TRẦN H theo Quyết định số: 182/QĐ-TGPL ngày 10/6/2022 của Giám đốc Trung Tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Ngãi; Địa chỉ: Số 108 Phan Đình Phùng, phường Nguyễn Nghiêm, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị hại: Công ty TNHH Một thành viên C;

Địa chỉ: thôn L, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành K, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Quang C, sinh năm 1978; nhân viên Thanh tra bảo vệ Công ty TNHH Một thành viên C theo Giấy ủy quyền số: 03/GUQ-CSQN ngày 03/8/2022 của Tổng giám đốc, có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Thanh T, sinh năm 1980; Nơi cư trú: thôn 5, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

2. Anh Ngô T, sinh năm 1981; Nơi cư trú: thôn A, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

3. Anh Bùi Văn T, sinh năm 1970; Nơi cư trú: thôn 4, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

4. Võ V, sinh năm 1965; Nơi cư trú: thôn L, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

5. Công Ty TNHH Một thành viên gỗ V; Địa chỉ: thôn B, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2006, Công ty TNHH Một thành viên C (sau đây viết tắt là: Công ty C) triển khai trồng cây cao su tại xã B (nay là xã B1), huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Công ty C hợp đồng giao khoán cho các hộ dân quản lý, bảo vệ, chăm sóc cây c thời kỳ kiến thiết cơ bản. Trong đó, có bị cáo TRẦN H nhận khoán quản lý, bảo vệ, chăm sóc cây cao su tại khu vực núi Hổ Dâu thuộc thôn T, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; thời hạn giao nhận khoán: 07 (bảy) năm, từ ngày 10/7/2007. Bị cáo TRẦN H có trách nhiệm lao động theo sự phân công, hướng dẫn kỹ thuật của Công ty C và được trả tiền công theo ngày việc. Bị cáo TRẦN H được trồng xen canh một số loại cây ngắn ngày trên diện tích đất nhận khoán nhưng không được làm ảnh hưởng đến sự phát triển của cây cao su.

Đến năm 2009, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 312/QĐ-UBND, ngày 24/7/2009 về việc cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty C, với diện tích đất 819.310m² (*tám trăm mười chín nghìn, ba trăm mười mét vuông*) thuộc thửa đất số 24, tờ bản đồ số 16 xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vị trí tại xã B (nay là xã B), huyện B, tỉnh Quảng Ngãi để trồng cây công nghiệp lâu năm; thời hạn thuê đất 49 năm, kể từ ngày 15/10/1993 đến ngày 15/10/2042; trong đó, có diện tích đất trồng cây cao su do TRẦN H nhận khoán quản lý, bảo vệ, chăm sóc. Bị cáo TRẦN H cũng có thửa đất tiếp giáp với diện tích đất trồng cây cao su của Công ty C mà bị cáo nhận khoán và bị cáo sử dụng trồng cây gỗ keo. Khoảng tháng 3/2021, bị cáo TRẦN H khai thác cây gỗ keo tại thửa đất của mình và chuẩn bị đốt thực bì để trồng lại cây keo.

Bị cáo TRẦN H khai nhận, do cây cao su ở vị trí giáp ranh đất bị gió, bão làm ngã, đổ nghiêng dẫn đến rợp sang đất liền kề của bị cáo nên bị cáo nảy sinh ý định

cưa một số cây cao su của Công ty C liền kề ranh giới với thửa đất của bị cáo để bán lấy tiền và nhằm không ảnh hưởng đến cây keo do bị cáo trồng. Ngày 08/4/2021, con trai của bị cáo là Trần Thanh T đến nhà của bị cáo. Tại đây, bị cáo nói với Trần Thanh T là: *“Mấy cây cao su sát bờ ranh trên Hồ Dầu tao đã mua thanh lý của Công ty Cao su, mày tìm thuê người cưa, thuê người khiêng, thuê xe chở đi bán”* thì Trần Thanh T đồng ý.

Đến khoảng 09 giờ 00, ngày 09/4/2021, Trần Thanh T gặp Bùi Văn T và đặt vấn đề thuê Bùi Văn T đi chặt gỗ cây cao su với thỏa thuận tiền công là 500.000đồng/người/ngày, đồng thời nhờ Bùi Văn T tìm thuê thêm một người giúp cho Trần Thanh T. Sau đó, Bùi Văn T rủ Võ V cùng đi chặt gỗ cao su thì Võ V đồng ý.

Đến khoảng 19 giờ 30 cùng ngày, Trần Thanh T gọi điện thoại cho Ngô T (con rể của bị cáo) và nói: *“Ông già có mấy cây cao su trên Hồ Dầu, mai mày đem máy cưa lên chặt cho ông được không”* thì Ngô T đồng ý.

Đến khoảng 20 giờ 00 cùng ngày, Trần Thanh T đi đến tuyến đường Võ Văn K thuộc thôn X, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi để tìm thuê xe công nông chở gỗ cây c. Tại đây, Trần Thanh T gặp một người đàn ông không rõ họ tên, địa chỉ đang lái xe công nông đi trên đường nên Trần Thanh T đón người này lại và nói: *“Mai lên núi Hồ Dầu chở cho tôi xe gỗ được không, núi Hồ Dầu ở trên nghĩa địa Bình Thạnh đó ông biết không”* thì người này đồng ý chở gỗ cây cao su cho Trần Thanh T với thỏa thuận tiền công 100.000đồng/tấn, sau khi cân bán được gỗ thì sẽ trả tiền.

Đến khoảng 07 giờ 00 ngày 10/4/2021, Trần Thanh T dẫn Bùi Văn T, Võ V đến khu vực Hồ Dầu thì gặp bị cáo TRẦN H, Ngô T đang có mặt tại đây. Bị cáo TRẦN H nói với Ngô T: *“Mấy cây cao su này Công ty C đã bán thanh lý cho tao”*, rồi chỉ vị trí cây cao su để Ngô T dùng máy cưa lóc cưa tay cưa ngã 46 (bốn mươi sáu) cây cao su của Công ty C rồi cưa thành từng đoạn với nhiều kích thước khác nhau. Sau đó, Bùi Văn T và Võ V khiêng cây cao su chất lên xe công nông mà Trần Thanh T đã thuê trước đó do người đàn ông không rõ họ tên, địa chỉ điều khiển đến.

Đến khoảng 11 giờ 00 cùng ngày, sau khi chặt gỗ đầy xe công nông thì Ngô T điều khiển xe máy đi trước dẫn người đàn ông không rõ họ tên, địa chỉ điều khiển xe công nông chở gỗ cây cao su đến Nhà máy chế biến khoáng sản Viễn Hoàng (nay là Công ty gỗ V), tại xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi để bán lấy tiền. Sau khi cân xác định trọng lượng khoảng 06 (sáu) tấn, bán được số tiền là 3.100.000đồng (ba triệu, một trăm nghìn đồng), Ngô T gọi điện thoại thông báo cho Trần Thanh T trọng lượng gỗ và số tiền bán được. Trần Thanh T đến tuyến đường Võ Văn Kiệt thuộc thôn X, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi gặp người đàn ông điều khiển xe công nông đã thuê chở gỗ cao su để trả tiền công là: 600.000đồng. Ngô T nhận số tiền 3.100.000đồng (ba triệu, một trăm nghìn đồng) từ nhà máy mua gỗ cây cao su rồi về đưa tiền lại cho Trần Thanh T, T đưa toàn bộ số tiền này cho bị cáo TRẦN H.

Đến khoảng 14 giờ 00 cùng ngày, nhân viên Công ty C kiểm tra, phát hiện mất trộm cây cao su và trình báo sự việc cho Công an. Tại hiện trường, Công an phát hiện và tạm giữ 40 (bốn mươi) khúc gỗ cây cao su với nhiều kích thước khác nhau, mỗi khúc dài khoảng 1,3m, với tổng trọng lượng là 1.733kg.

Đến ngày 11/4/2021, Trần Thanh T trả tiền bồi vác cho Bùi Văn T và Võ V, mỗi người 500.000đồng.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bình Sơn kết luận: 46 (bốn mươi sáu) cây cao su, trồng vào năm 2006, trị giá 27.600.000đồng (Hai mươi bảy triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa, TRẦN H khai nhận đúng hành vi phạm tội như trên, thống nhất với Kết luận định giá tài sản ngày 01/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bình Sơn.

Tại Bản Cáo trạng số: 149/CT-VKS, ngày 27/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi đã truy tố TRẦN H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo TRẦN H về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người có công cách mạng (được Nhà nước tặng Bằng gia đình cách mạng, Bằng gia đình kháng chiến, tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì), bị cáo là thương binh $\frac{3}{4}$, có mẹ đẻ (Nguyễn Thị T) là liệt sĩ, cha đẻ (Trần H) được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba và bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, i, s, x khoản 1, khoản 2 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Về áp dụng pháp luật: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 40 (bốn mươi) khúc gỗ cây cao su, khối lượng 1.733kg (một nghìn bảy trăm ba mươi ba ký lô gam) tạm giữ tại hiện trường là của Công ty C. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bình Sơn đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng pháp luật.

Đối với máy cưa lốc cầm tay Ngô T dùng để cưa cây cao su là thuộc quyền sở hữu của Ngô T. Xét thấy, Ngô T không biết cây cao su là do bị cáo TRẦN H trộm

cấp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bình Sơn không tạm giữ là phù hợp.

Đối với số tiền 3.100.000đồng (*ba triệu, một trăm nghìn đồng*) có được từ việc bán gỗ cây cao su, TRẦN H đã tiêu xài hết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bình Sơn không thu giữ được. Tuy nhiên, bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền lớn hơn số tiền bán được gỗ cao su, đề nghị khi xét xử tiếp tục xem xét, xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo TRẦN H và đại diện Công ty C đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho Công ty Cao su, số tiền 17.600.000đồng (*Mười bảy triệu, sáu trăm nghìn đồng*). Anh Trương Quang Cường, người đại diện theo ủy quyền của Công ty C đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Công ty C tự nguyện không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền thiệt hại còn lại 10.000.000đồng nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Về các vấn đề khác:

Đối với Trần Thanh T, Ngô T: Bị cáo Hành nói với T và Th là: “Bị cáo đã mua thanh lý cây cao su của Công ty” nên T và Thu không biết cây cao su là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có. T và Th không được hưởng lợi gì nên không đồng phạm với bị cáo.

+ Đối với Bùi Văn T, Võ V: Không biết cây cao su là tài sản của Công ty C và chỉ được thuê lao động để nhận tiền công. Bùi Văn T, Võ V không được hưởng lợi gì nên không đặt vấn đề xử lý trách nhiệm hình sự.

+ Đối với người đàn ông lái xe công nông chở gỗ cây cao su: Không xác định được họ tên, địa chỉ nên không làm việc được. Mặt khác, người đàn ông này chỉ được thuê chở gỗ cây cao su để lấy tiền công nên không đặt vấn đề xử lý trách nhiệm hình sự.

+ Đối với Công ty gỗ V: Không hứa hẹn trước và không biết Ngô T bán gỗ cây cao su do trộm cắp mà có nên không đặt vấn đề xử lý.

Ý kiến bào chữa, tranh luận của người bào chữa cho bị cáo: Thống nhất tội danh, tình tiết giảm nhẹ, áp dụng pháp luật, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn. Riêng đối với loại hình phạt, mức hình phạt thì người bào chữa đề nghị như sau: Đề nghị áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ, mức án 06 tháng.

Ý kiến bào chữa, tranh luận của bị cáo: Bị cáo thống nhất ý kiến tranh luận của người bào chữa, không tranh luận bổ sung gì thêm.

Ý kiến tranh luận của bị hại: Bị hại đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo hoặc giảm thấp nhất hình phạt cho bị cáo được cải tạo bên ngoài, không phải chấp hành hình tù giam.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt như đề nghị của người bào chữa và xin lỗi đại diện bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên thu thập; người tham gia tố tụng khác cung cấp là phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo TRẦN H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như phần tóm tắt nội dung vụ án ở trên, lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, những người có quyền, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ tại hiện trường, biên bản hiện trường, sơ đồ hiện trường, kết luận định giá tài sản và các chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận như sau:

Bị cáo TRẦN H biết rõ 46 (bốn mươi sáu) cây cao su tại Hồ Dầu tọa lạc tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 16 xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi là tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty Cnhưng bị cáo có hành vi lén lút người quản lý cây cao su và nói dối với Trần Thanh Trang và Ngô T là: *“Bị cáo đã mua thanh lý cây cao su của Công ty Cao su”* để nhờ Thu đồn, chặt cây cao su. TRẦN H trực tiếp chỉ vị trí cây cao su để Ngô T dùng máy cưa lóc cầm tay cưa ngã 46 (bốn mươi sáu) cây cao su của Công ty C rồi cưa thành từng đoạn với nhiều kích thước khác nhau để Bùi Văn T và Võ V khiêng từng đoạn gỗ cao su chất lên xe công nông mà Trần Thanh T đã thuê trước đó do người đàn ông không rõ họ tên, địa chỉ điều khiển xe công nông chở gỗ cây cao su đến Nhà máy chế biến khoáng sản Viễn Hoàng (nay là Công ty gỗ V) bán lấy tiền, với trọng lượng khoảng 06 (sáu) tấn gỗ cao su, số tiền bán được là 3.100.000đồng (*ba triệu, một trăm nghìn đồng*).

Tổng giá trị 46 (bốn mươi sáu) cây cao su được Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bình Sơn định giá là: 27.600.000đồng (*Hai mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Hành vi phạm tội của bị cáo TRẦN H như trên đã đủ yếu tố cấu thành tội *“Trộm cắp tài sản”* theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi truy tố là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] *Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:* TRẦN H là người có đủ năng lực nhận thức, điều khiển hành vi nhưng xem thường pháp luật; hành vi của bị cáo Hành không những xâm phạm quyền sở hữu tài sản của Công ty C mà còn gây nguy hiểm cho xã hội, trong tình hình ngày càng diễn biến phức tạp do các hành vi đốn, chặt cây cao su nhằm lấn chiếm đất giao cho Công ty C gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa bàn xã B nói riêng và các xã có đất trồng cây cao su nói chung trên địa bàn huyện Bình Sơn. Hành vi của bị cáo phải bị xử lý bằng chế tài pháp luật hình sự và cần áp dụng hình phạt tương xứng nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] *Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

[5.1] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người có công cách mạng (được Nhà nước tặng Bằng gia đình cách mạng, Bằng gia đình kháng chiến, Huân chương kháng chiến hạng nhì), bị cáo là thương binh $\frac{3}{4}$, có mẹ đẻ (Nguyễn Thị T) là liệt sĩ, cha đẻ (Trần H) được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba và đại diện cho bị hại đề nghị miễn trách nhiệm hình sự hoặc giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, i, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5.2] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo TRẦN H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5.2] *Về nhân thân:* Bị cáo có nhân thân tốt.

[6] *Về xem xét hình phạt đối với bị cáo:* Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự; Sau khi phạm tội đã biết lỗi nên tích cực phối hợp với Cơ quan cảnh sát điều tra nhằm nhanh chóng xử lý vụ án, bồi thường thiệt hại cho bị hại nên không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội, nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[7] *Về hình phạt bổ sung:* Bị cáo là thương binh $\frac{3}{4}$, làm nông thu nhập thấp, người cao tuổi nên Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Đối với Trần Thanh T, Ngô T do bị cáo TRẦN H nói dối nên mới thực hiện hành vi cưa cây và đi thuê người khuân vác gỗ cao su, Cơ quan cảnh sát điều tra không đặt vấn đề xử lý là có căn cứ.

Bùi Văn Th, Võ V không biết 46 cây cao su nêu trên là do bị cáo cưa trộm của Công ty C, Th và V chỉ làm người làm thuê và không được chia lợi ích gì, Cơ quan cảnh sát điều tra không đặt vấn đề xử lý là có căn cứ.

Công Ty TNHH Một thành viên gỗ V không biết số gỗ cao su là tài sản Công ty C do bị cáo H phạm tội mà có nên không phạm tội theo Điều 323 Bộ Luật hình sự, Cơ quan cảnh sát điều tra không đặt vấn đề xử lý là có căn cứ.

[9] *Về trách nhiệm dân sự*: TRẦN H và đại diện theo ủy quyền của bị hại đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho Công ty C, số tiền 17.600.000đồng (*mười bảy triệu, sáu trăm nghìn đồng*). Anh Trương Quang C, người đại diện theo ủy quyền đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại nên không xem xét.

[10] *Về xử lý vật chứng vụ án*:

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bình Sơn đã trả lại toàn bộ 40 (bốn mươi) khúc gỗ cây cao su, trọng lượng 1.733kg (*một nghìn bảy trăm ba mươi ba ký lô gam*) tạm giữ tại hiện trường cho chủ sở hữu là Công ty C là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với máy cưa lóc cầm tay Ngô T dùng để cưa cây cao su là tài sản của Ngô T. Xét thấy, Ngô T không biết cây cao su do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bình Sơn không tạm giữ là có căn cứ.

Đối với số tiền 3.100.000đồng (*ba triệu một trăm nghìn đồng*) có được từ việc bán gỗ cây cao su, TRẦN H đã bồi thường cho bị hại số tiền lớn hơn số tiền thu được nên không có thu lợi bất chính. Vì vậy, không đặt ra xử lý số tiền này.

[11] *Về án phí*: Bị cáo TRẦN H có đơn xin miễn nộp án phí thuộc đối tượng người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 của Luật người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xét cho bị cáo được miễn nộp toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[12] *Xét ý kiến đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn*: Đề nghị áp dụng pháp luật, tội danh, tình tiết giảm nhẹ, nhân thân, mức hình phạt và xử lý vật chứng như trên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Riêng mức hình phạt đề nghị đối với bị cáo có phần nghiêm khắc với bị cáo nên không chấp nhận.

[13] *Xét ý kiến đề nghị của người bào chữa và bị cáo*: Về áp dụng pháp luật, tội danh, tình tiết giảm nhẹ, nhân thân, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng như trên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận. Riêng đề nghị áp dụng cho bị cáo loại hình phạt “cải tạo không giam giữ” theo Điều 36 Bộ luật hình sự và mức hình phạt là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[14] *Xét ý kiến đề nghị của bị hại*: Không chấp nhận miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo, vì trái với nhận định trên của Hội đồng xét xử; chấp nhận không xử phạt tù giam đối với bị cáo.

[15] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại hoặc người đại diện, người có quyền, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố TRẦN H phạm tội **“Trộm cắp tài sản”**.

Xử phạt: TRẦN H **07** (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **14** (mười bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 15/11/2022).

Giao TRẦN H cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình TRẦN H có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp TRẦN H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu TRẦN H cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc TRẦN H phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc TRẦN H phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung.

3. Về trách nhiệm dân sự: **TRẦN H** và đại diện theo ủy quyền của bị hại đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại xong cho Công ty Cao su. Công ty C đã nhận đủ số tiền như thỏa thuận, không yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Bình Sơn đã xử lý vật chứng đúng pháp luật nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 2 của Luật người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xét cho bị cáo được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại hoặc đại diện hợp pháp, người có quyền, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa đều có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 15/11/2022).

Đối với người có quyền, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND; VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Công an; VKS; CCTHA huyện B.Sơn;
- UBND xã Bình Thanh (thay thông báo);
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; án văn.

(Đã ký)

Lê Quang Toại

, nhưng được trừ thời gian đã chấp hành hình phạt tù từ ngày 06/01/2022 đến ngày 06/9/2022

